TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LANG CHÁNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST Ngày 30 tháng 01 năm 2024 V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Tượng

2. Bà Nguyễn Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhản - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh T pháp lý số B, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn Đ1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14/9/2023, được bổ sung trong bản tự khai, văn bản về quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn, Người bào vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Lương Văn Đoàn kết h trên cơ sở tự nguyện, không ai lừa dối, ép buộc. Đăng ký kết hôn ngày 17/12/2009 tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2009 ngày 17/12/2009). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ1 không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu say rồi chửi bới vợ con. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến cuối năm 2015 thì vợ chồng ly thân, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ1.

Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Lương Văn Đ1 có 02 con chung là các cháu Lương Thị H1, sinh ngày 11/01/2011 và Lương Thị H2, sinh ngày 22/6/2012. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1 và cháu H2, không yêu cầu anh Đ1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành xác minh tại thôn N, xã Đ, huyện L và gia đình bị đơn Lương Văn Đ1 về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về địa chỉ cư trú và sự có mặt, vắng mặt tại nơi cư trú của bị đơn: Đại diện thôn và đại diện gia đình anh Đ1 cho biết, anh Lương Văn Đ1 đăng ký thường trú tại thôn N, xã Đ, huyện L, anh Đ1 không đăng ký tạm trú ở nơi khác; anh Đ1 không báo xin tạm vắng tại nơi cư trú; đến nay anh Đ1 chưa thay đổi nơi đăng ký cư trú, không bị xóa đăng ký thường trú; anh Đ1 là lao động tự do, nơi làm việc không cố định, thường thì anh Đ1 chỉ có mặt ở nhà vào buổi trưa, buổi tối, không có mặt ở nhà vào giờ hành chính.

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Vào năm 2022, giữa chị H và anh Đ1 phát sinh mâu thuẫn, thôn không biết rõ nguyên nhân, chỉ thấy giữa chị H và anh Đ1 thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau, anh Đ1 thường xuyên rượu chè say xỉn, không quan tâm gia đình, vợ con. Hiện nay, chị H và anh Đ1 ly thân, chị H đã đi khỏi nhà, thôn và gia đình không biết đi đâu.

Về con chung và điều kiện nuôi con: Chị H và anh Đ1 có 02 con chung là cháu Lương Thị H1, sinh năm 2011 và cháu Lương Thị H2, sinh năm 2012, hiện nay các cháu đang ở cùng anh Đ1. Chị H là người hiền lành, chịu khó, khi còn ở nhà chị H là lao động chính, hiện nay đã đi khỏi nhà nhưng hàng tháng vẫn gửi tiền về để cho các con ăn học và gia đình sinh hoạt, nguồn sống của gia đình chủ yếu dựa vào thu nhập của chị H. Mặc dù anh Đ1 có sức khỏe tốt nhưng không tu trí làm ăn, không có việc làm và thu nhập ổn định, gia đình thuộc diện hộ nghèo

giai đoạn 2022 - 2025, nhưng anh Đ1 vẫn thường xuyên tụ tập bạn bè rượu chè say xỉn, hay gây sự và không quan tâm chăm lo cho gia đình và vợ con. Các con của chị H và anh Đ1 là con gái, còn rất nhỏ, nhưng không được bố quan tâm mà phải tự chăm sóc bản thân, trường hợp vợ chồng ly hôn, thôn đề nghị giao các cháu cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Nguyên đơn là chị Bùi Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt.

Bị đơn là anh Lương Văn Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên hòa giải và triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng anh Đ1 đều vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên toà, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*; nơi cư trú của bị đơn tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn là chị Bùi Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vụ án vắng mặt; bị đơn là anh Lương Văn Đ1 vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Bùi Thị H và bản sao Trích lục kết hôn số 173/2023/TLKH-BS ngày 06/9/2023 do UBND xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Lương Văn Đ1 là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, chị H đều có nguyện vọng được ly hôn anh Đ1; anh Đ1 không có ý kiến. Căn cứ lời trình bày của chị H phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi các đương sự cư trú thì giữa chị H và anh Đ1 thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, anh Đ1

lại không tu trí làm ăn, không quan tâm vợ con mà còn tụ tập rượu chè rồi chửi bới vợ con. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên động viên, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả; vợ chồng đã ly thân một thời gian dài nhưng tình cảm không được cải thiện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh Đ1; anh Đ1 không đến Tòa án tham gia hòa giải giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ1 không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, quyết định cho chị H được ly hôn anh Đ1.

[5] Về con chung: Căn cứ lời trình bày của chị Bùi Thị H và bản sao Giấy khai sinh của cháu H1, cháu H2, đủ cơ sở xác định: Các cháu Lương Thị H1, sinh ngày 11/01/2011 và Lương Thị H2, sinh ngày 22/6/2012 là con chung của chị H và anh Đ1.

Xét nguyện vọng của chị H, thấy: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả cháu H1 và cháu H2, nguyện vọng của chị H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để xem xét. Căn cứ lời trình bày của chị H và kết quả xác minh tại nơi cư trú của các đương sự thì từ khi chị H và anh Đ1 ly thân đến nay cả cháu H1 và cháu H2 đều ở với anh Đ1, các cháu vẫn khỏe mạnh, được học hành đầy đủ, nhưng chi phí ăn học, sinh hoạt là do chị H chu cấp. Mặc dù các cháu còn rất nhỏ, nhưng anh Đ1 ít quan tâm, chăm lo cho các cháu mà các cháu phải tự chăm sóc bản thân. Mặt khác, cháu H1, cháu H2 đều là con gái cần có sự dạy dỗ, chăm sóc của người mẹ; cháu H1, cháu H2 cũng có nguyện vọng được ở với chị H. Vì vậy, để các cháu được yêu thương chăm sóc đầy đủ, có điều kiện phát triển một cách tốt nhất về mọi mặt, nên giao cháu H1 và cháu H2 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản: Chị Bùi Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Bùi Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nhưng chị H là thành viên trong hộ nghèo giai đoạn 2022 - 2025 và có đơn đề nghị miễn án phí, Tòa án đã quyết định miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho chị H, nay xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lương Văn Đ1.

Về con chung: Giao các cháu Lương Thị H1, sinh ngày 11/01/2011 và cháu Lương Thị H2, sinh ngày 22/6/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị Bùi Thị H.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn Bùi Thị H, bị đơn Lương Văn Đ1. Chị H, anh Đ1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP của nguyên đơn;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV và THAHS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Viết Tám